

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72 /2018/DS-PT.

Ngày 11-5-2018.

V/v tranh chấp “Quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Tư.

Bà Trần Thị Ngọc Dung.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2017/TLPT-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp “Quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST, ngày 15 tháng 3 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2018/QĐ – PT, ngày 12 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1942 (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: đường T, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1965. Địa chỉ: đường P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2016).

- Bị đơn: Bà Huỳnh Thị Cúc H, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Ông Phạm Quan T, sinh năm 1971 (Chồng bà Cúc H, có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Vĩnh H, xã Tân N, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Cúc H là: Ông Phạm Quan T (Văn bản ủy quyền ngày 13/7/2016 và ngày 22/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Cúc H và Phạm

Quan T là: Luật sư Lôi Thị D - Văn phòng Luật sư Lôi Thị D - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc S, sinh năm 1957 (Có mặt).

Địa chỉ: đường Phạm Thái B, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

+ Ông Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1965 (Có mặt).

+ Bà Phạm Thị L, sinh năm 1966 (Có đơn xin vắng mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt).

Cháu Nguyễn Hoàng Nhựt H, sinh năm 1999 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: đường Trần P, phường B, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc S, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hoàng V và cháu Nguyễn Hoàng Nhựt H là: Ông Nguyễn Ngọc K (Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2016).

+ Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Địa chỉ: Số 79, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long là ông Nguyễn Trung K, chức vụ - Chủ tịch (Có văn bản xin vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1959 (Có mặt).

+ Ông Ngô Văn H, sinh năm 1953 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: hẻm K, khóm B, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Ông Phạm Quan T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2016, đơn khởi kiện sửa đổi bổ sung ngày 30/6/2016 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc K trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc L có phần đất sử dụng ổn định liên tục từ trước năm 1975 cho đến nay, đã được Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Long (Nay là thành phố Vĩnh Long) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/2002 mang tên hộ Nguyễn Thị Ngọc L, thửa 46, tờ bản đồ số 21, diện tích 194,4m², loại đất ao có nguồn gốc nhận thừa kế từ cha là ông Nguyễn Văn C. Đến ngày 11/02/2015 bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác

gắn liền với đất theo chương trình VLAP ghi nhận là thửa 46, tờ bản đồ số 21, diện tích 194,3 m², loại đất nuôi trồng thủy sản tọa lạc tại khóm 3, phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó đất của bà L bị giải tỏa làm đường Hoàng Hoa Thám diện tích 17,68m², nên ngày 23/6/2016 bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa nêu trên diện tích còn lại là 176,1m².

Vợ chồng bà Huỳnh Thị Cúc H, ông Phạm Quan T có thửa đất số 145 giáp ranh nằm phía sau thửa đất số 46 của bà L không có tiếp giáp với lộ, nên năm 2015 bà H, ông T tự ý trồng trụ xi măng rào lưới B40 lấn một phần thửa đất 46 của bà L diện tích 94,5m² để được tiếp giáp với lộ.

Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T tháo dỡ trụ xi măng rào lưới B 40 để trả lại bà L phần đất diện tích là 94,5m², thuộc thửa 46.

Đến khi có kết quả đo đạc tại cấp sơ thẩm thì phần đất tranh chấp có diện tích 82,3m². Nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T tháo dỡ trụ xi măng rào lưới B 40 để trả lại bà L diện tích là 82,3m².

- Bị đơn bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T trình bày:

Bà H, ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L vì bà H, ông T không có lấn chiếm đất của bà L. Phần đất của bà Huỳnh Thị Cúc H đứng tên là thửa 145, tờ bản đồ số 21, diện tích 1.418,9 m², loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại khóm B, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 22/11/2013 có nguồn gốc vợ chồng bà H, ông T nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị X vào ngày 07/10/2013. Phần đất của bà L có vị trí nằm giáp ranh phía trước đất của bà H, vừa qua chính quyền địa phương có quy hoạch mở lộ đi ngang qua đất của bà L nên diện tích đất của bà L giảm đáng kể, từ đó bà L cho rằng ông T, bà H lấn đất của bà L. Bà H và ông T cho rằng, căn cứ vào trích đo bản đồ địa chính khu đất mà bà H, ông T cung cấp thể hiện số đo cụ thể từng cạnh của thửa đất như sau: Đoạn 7-8 chiều dài 11,51m, giáp phần đất của ông Ngô Văn H đang sử dụng so với thực tế thì cạnh đất này gần sát lộ nhựa đang thi công, tương tự đoạn 5-6 chiều dài 16,49m, so với thực tế cạnh đất này gần sát lộ nhựa đang thi công; như vậy, bà H, ông T hoàn toàn không có lấn đất của bà L, mà ngược lại bà L mới là người lấn chiếm đất của bà H, ông T. Do đó, bà H, ông T không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc S, ông Nguyễn Ngọc K, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hoàng V, cháu Nguyễn Hoàng Nhựt H có ông Nguyễn Ngọc K làm đại diện trình bày: Bà S, ông K, bà Thị L, ông V và cháu Nhựt H không có yêu cầu độc lập trong vụ án.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long có văn bản xin vắng mặt không tham gia phiên tòa.

- Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết M, ông Ngô Văn H trình bày:

Ông T và bà H nhận chuyển nhượng đất của bà X giáp ranh với đất của bà M, ông H diện tích bao nhiêu, thửa số mấy ông H và bà M không biết. Theo ông H và bà M được biết thì phần đất của ông T, bà H trồng trụ xi măng và rào lưới B40 giáp lộ nhựa không có lán ranh đất của bà L vì đất bà L đến bờ tập đoàn nay đã làm lộ hết không còn.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DSST, ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, xử:

Căn cứ vào: Điều 166 và khoản 1 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 35, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc ông Phạm Quan T, bà Huỳnh Thị Cúc H, phải giao lại quyền sử dụng diện tích 82,3m² đất nuôi trồng thủy sản, tại thửa số 46, tháo dỡ hàng rào trụ cột xi măng và lưới B40 trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc L theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Vĩnh Long cung cấp ngày 31/10/2016.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí khác, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 24 tháng 3 năm 2017 ông Phạm Quan T kháng cáo với nội dung:

Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà L, vì bà L không có đất nằm ở vị trí mặt tiền phía trước đất của ông T, bà H. Công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích 82,3m² đất, thuộc thửa 145 mang tên Huỳnh Thị Cúc H, nằm trong diện tích chung là 1.418,9m², tọa lạc tại: Khóm B, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

Tại cấp phúc thẩm ông T, bà H yêu cầu đo đạc, khảo sát lại phần đất tranh chấp: Kết quả đo đạc được thể hiện tại trích đo bản đồ địa chính khu đất của Sở Tài nguyên và Môi trường cung cấp ngày 08/02/2018 thì phần đất tranh chấp do các đương sự xác định lại ranh nên có diện tích là 86,7m². Tăng 4,4m² so với đo đạc tại cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Ngọc K vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T tháo dỡ trụ xi măng rào lưới B 40 để trả lại bà L phần đất lấn chiếm diện tích theo kết quả đo đạc do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp là 86,7m². Phần đất diện tích 5,5m² thuộc đường nhựa bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm Quan T sửa đổi yêu cầu kháng cáo theo diện tích đo đạc tại cấp phúc thẩm là: Yêu cầu Tòa giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc tại

cấp phúc thẩm là 86,7m² nằm trong thửa 145 do bà Huỳnh Thị Cúc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất diện tích 5,5m² thuộc đường nhựa ông T, bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Huỳnh Thị Cúc H và Phạm Quan T đề nghị Hội đồng xét xử: Bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc tại cấp phúc thẩm là 86,7m² nằm trong thửa 145 do bà Huỳnh Thị Cúc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Luật sư và những người tham gia tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến khi xét xử Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm; Luật sư và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn Phạm Quan T, áp dụng khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa bản án sơ thẩm. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn hoàn trả cho nguyên đơn diện tích tranh chấp là 86,7m² thuộc chiết thửa 46, loại đất nuôi trồng thủy sản và đồng thời buộc bị đơn tháo dỡ hàng rào lưới B40 trên phần đất buộc trả cho nguyên đơn. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Do sửa án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu tiền án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục:

Ngày 24/3/2017 bị đơn ông Phạm Quan T có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long và nộp tiền tạm ứng án phí vào ngày 27/3/2017. Đơn kháng cáo của ông T còn trong thời hạn luật định theo Điều 273 và ông T nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên kháng cáo của ông T được Tòa án xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long có ông Nguyễn Trung K làm đại diện, bà Phạm Thị L, ông Nguyễn Hoàng V và cháu Nguyễn Hoàng Nhựt H đều xin vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông K, bà L, ông V và cháu H.

Tại cấp phúc thẩm ông T, bà H yêu cầu đo đạc, khảo sát lại phần đất tranh chấp, khi đo đạc các đương sự xác định lại ranh diện tích đo đạc thực tế là $86,7\text{m}^2$ nên tại phiên tòa phúc thẩm ông T sửa đổi yêu cầu kháng cáo theo diện tích đo đạc tại cấp phúc thẩm là: Yêu cầu Tòa án giải quyết bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích đất tranh chấp theo đo đạc tại cấp phúc thẩm là $86,7\text{m}^2$ nằm trong thửa 145 do bà Huỳnh Thị Cúc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích theo sửa đổi kháng cáo nhiều hơn diện tích kháng cáo ban đầu $4,4\text{m}^2$ nhưng vẫn nằm trong thửa đất tranh chấp nên việc sửa đổi nội dung kháng cáo của ông T không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu. Do đó, nội dung sửa đổi kháng cáo của ông T tại cấp phúc thẩm được xem xét giải quyết.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét toàn bộ các nội dung kháng cáo của bị đơn ông Phạm Quan T.

Ông T yêu cầu Tòa cấp phúc bác yêu cầu khởi kiện của bà L. Công nhận cho ông T, bà H được quyền sử dụng diện tích theo đo đạc thực tế là $86,7\text{m}^2$ nằm trong thửa 145 do bà Huỳnh Thị Cúc H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có cơ sở chấp nhận. Vì;

- Bà H, ông T nhận chuyển nhượng của bà Huỳnh Thị X thửa 145 vào ngày 07/10/2013, bà H kê khai được UBND thành phố Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 22/11/2013; Thửa đất số 46 do bà L kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 26/6/2002. Thửa 46 của bà L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước khi bà H, ông T nhận chuyển nhượng đất của bà X. Việc bà H, ông T cho rằng phía bà L không có thửa đất 46 mà tự kê khai trùng lên thửa 145 diện tích $86,7\text{m}^2$ của bà H, ông T là không có cơ sở.

- Tại chứng thực lưu trữ địa chính ngày số: 612A/CTLT-TTCNTNMT ngày 28/4/2016 xác định: Theo tư liệu địa chính thực hiện Nghị định 60/CP, ngày 05/7/1994 của chính phủ thì thửa đất 46, tờ bản đồ số 21 diện tích $194,4\text{m}^2$, loại đất ao, do hộ ông Nguyễn Văn C đăng ký trong sổ bộ địa chính. Năm 2001 hộ bà Nguyễn Thị Ngọc L đăng ký trong sổ bộ địa chính (Nhận thừa kế từ cha là ông C).

- Ngoài ra; tại trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 08/02/2018 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long kết luận:

Phần đất tranh chấp giữa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L với bị đơn bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T có diện tích $92,2\text{m}^2 = (86,7\text{m}^2 + 5,5\text{m}^2)$, gồm các mốc: 13,14,1,10,15,13. Trong đó:

- . Có $86,7\text{m}^2$, thuộc thửa 46, tư liệu 60/CP tờ số 21, do bà Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc: c, d, 1, 10, 15, c.

- . Có $5,5\text{m}^2$, thuộc đường nhựa, gồm các mốc: 13,14, d, c, 13.

[2.2] Xét lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là chưa có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chỉ ghi nhận mà không chấp nhận.

[2.3] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Quan T, không chấp nhận đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Xác định phần đất tranh chấp có diện tích $86,7m^2$, thuộc tách thửa 46 loại đất NTS, tư liệu 60/CP tờ số 21, do bà Nguyễn Thị Ngọc L đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, gồm các mốc: c, d, 1, 10, 15, c.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm là: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn ông Phạm Quan T, bà Huỳnh Thị Cúc H phải có nghĩa vụ giao trả bà Nguyễn Thị Ngọc L quyền sử dụng đất diện tích $86,7m^2$, loại đất NTS, thuộc tách thửa 46, tọa lạc tại: Khóm B, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc: c, d, 1, 10, 15, c và buộc ông T, bà H tháo dỡ trụ xi măng rào lưới B40 trên phần đất giao trả bà L.

[4]. Phần đất diện tích $5,5m^2$ thuộc đường nhựa, gồm các mốc: 13,14, d, c, 13. Các đương sự không có tranh chấp tại cấp phúc thẩm và cấp sơ thẩm chưa giải quyết. Nên cấp phúc thẩm không xem xét.

[5]. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng không tuyên trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn là thiếu sót cần rút kinh nghiệm.

[6]. Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7]. Án phí sơ thẩm được tính lại như sau: Buộc bị đơn bà H và ông T nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền như sau: ($[86,7m^2 \times 200.000đ/m^2] \times 5\%$) = 867.000đ. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho bà L.

[8]. Do kháng cáo của ông T không được Tòa án chấp nhận nên buộc ông T phải chịu nộp tiền chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tại cấp phúc thẩm là 3.886.000đ. Số tiền này được khấu trừ vào 3.886.000đ ông T đã nộp tạm ứng xong nên ông T không phải nộp thêm.

[9]. Các quyết định của bản án sơ thẩm về chi phí đo đạc, khảo sát tại cấp sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 166 và khoản 1 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 29 và Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Quan T.
2. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 16/2017/DS-ST, ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L. Buộc bị đơn ông Phạm Quan T, bà Huỳnh Thị Cúc H phải có nghĩa vụ giao trả bà Nguyễn Thị Ngọc L quyền sử dụng đất diện tích 86,7m², loại đất NTS, thuộc tách thửa 46, tọa lạc tại: Khóm B, phường H, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long có vị trí, giáp giới, kích thước, hình thể được xác định qua các mốc: c, d, 1, 10, 15, c và buộc ông T, bà H tháo dỡ tất cả các trụ xi măng rào lưới B40 trên phần đất giao trả bà L. (Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Long cung cấp đề ngày 08/02/2018).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T liên đới nộp 867.000đ (Tám trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng).

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Ngọc L 472.000đ (Bốn trăm, bảy mươi hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001717 ngày 30 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long.

5. Về án phí phúc thẩm:

Hoàn trả ông Phạm Quan T 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long theo lai thu số 0002430 ngày 27/3/2017.

6. Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tại cấp sơ thẩm: Buộc bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T có nghĩa vụ liên đới nộp 4.000.000đ nhưng do ông Nguyễn Ngọc K đại diện cho bà Nguyễn Thị Ngọc L đã nộp tạm ứng xong. Nên buộc bà Huỳnh Thị Cúc H và ông Phạm Quan T có nghĩa vụ liên đới nộp trả lại ông Nguyễn Ngọc K 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng).

7. Về chi phí đo đạc, khảo sát, định giá tại cấp phúc thẩm: Buộc ông T bà H 3.886.000đ (Ba triệu, tám trăm, tám mươi sáu nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng do ông T, bà H đã nộp 3.886.000đ. Nên ông T, bà H không phải nộp thêm.

8. Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên có quyền, nếu bên có nghĩa vụ chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu lãi suất phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b;
- CA TAT: 01b;
- TAND thành phố Vĩnh Long: 01b;
- THADS thành phố Vĩnh Long: 02b;
- Đ/sự: 08b;
- Lưu: 06 b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Trường